

BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH NĂM 2023

Đơn vị được giám sát: Công ty Cổ phần nước sạch Lai Châu

(Kèm theo Báo số: /BC-UBND ngày /5/2024 của UBND tỉnh Lai Châu)

1. Thông tin chung về doanh nghiệp có vốn góp

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6200000230 (thay đổi lần 4 ngày 13/6/2017).

- Vốn điều lệ: 215.865 triệu đồng.

- Vốn góp đến 31/12/2023: 215.865 triệu đồng, tỷ lệ nhà nước nắm giữ 97,85% bằng 211.219,14 triệu đồng (theo Quyết định số 1344/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của UBND tỉnh).

- Cơ cấu quản trị doanh nghiệp theo mô hình: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc.

+ Hội đồng quản trị: 05 người (01 Chủ tịch, 04 thành viên).

+ Ban kiểm soát: 03 người (01 Trưởng ban, 02 thành viên).

+ Ban điều hành: Ban Giám đốc.

+ Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất và cung cấp nước sạch; xây dựng và lắp đặt hệ thống cấp nước; kinh doanh vật tư, thiết bị chuyên ngành cấp, thoát nước, điện chuyên dụng; xây dựng các công trình: Dân dụng, giao thông, thủy lợi vừa và nhỏ, công trình điện từ 0,4KV – 35KV; vận hành, quản lý, khai thác công trình thủy điện.

2. Thông tin người đại diện

- Họ và tên: Vi Văn Chung - Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Số CCCD: 011075005090 Ngày cấp 15/8/2022 tại Cục CSQLHCVTTXH.

- Hộ khẩu thường trú: Phường Tân Phong - TP Lai Châu - tỉnh Lai Châu

3. Bảo toàn và phát triển vốn nhà nước tại doanh nghiệp, hiệu quả sử dụng vốn

Doanh nghiệp bảo toàn và sử dụng vốn có hiệu quả, tạo công ăn việc làm cho người lao động và có thu nhập ổn định.

4. Đánh giá việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp

- Hoạt động đầu tư vốn, tài sản của doanh nghiệp và hoạt động đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp: Không.

- Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động, phát hành trái phiếu: Không.

- Tình hình quản lý tài sản, quản lý nợ doanh nghiệp:

+ Công ty đã thực hiện quản lý và sử dụng tài sản theo quy định (Trong năm đã đầu tư các dự án hình thành tài sản cố định là 20,33 tỷ đồng, cho 28 hạng mục công trình).

+ Quản lý nợ: Công ty có kế hoạch thu hồi và chi trả theo định kỳ, tính đến 31/12/2023, số nợ phải thu 3.687 triệu đồng, nợ phải trả 17.814 triệu đồng (gồm phải trả người bán ngắn hạn, người mua trả tiền trước, thuế và các khoản phải nộp nhà nước, trả người lao động, chi phí phải trả ngắn hạn, phải trả ngắn hạn khác, quỹ khen thưởng phúc lợi).

+ Khả năng thanh toán nợ đến hạn = Tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn: 23.301 triệu đồng/17.814 triệu đồng = 1,31 lần.

+ Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu = 17.814 triệu đồng/216.781 triệu đồng = 0,082 lần.

- Tình hình lưu chuyển tiền tệ của doanh nghiệp đến kỳ báo cáo:

+ Luồng tiền vào: 32.513 triệu đồng, bao gồm: Lợi nhuận trước thuế 493 triệu đồng, khấu hao tài sản cố định 16.341 triệu đồng, chi phí lãi vay 9 triệu đồng; các khoản phải thu 518 triệu đồng; chi phí trả trước -728 triệu đồng, tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh 275 triệu đồng, thu hồi cho vay bán công cụ nợ 15.564 triệu đồng, thu từ lãi cho vay 43 triệu đồng.

+ Luồng tiền ra: 34.694 triệu đồng, bao gồm: Lãi hoạt động đầu tư -43 triệu đồng; hàng tồn kho -538 triệu đồng, các khoản phải trả -1.298 triệu đồng, thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp -56 triệu đồng, chi phí mua sắm tài sản cố định -9.107 triệu đồng, chi cho vay mua công cụ nợ -10.700 triệu đồng, cổ tức lợi nhuận đã trả cho vốn chủ sở hữu -231 triệu đồng; chi trả nợ gốc vay -4.102 triệu đồng; lãi vay đã trả -9 triệu đồng; chi khác cho hoạt động kinh doanh -8.610 triệu đồng.

+ Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ: 2.179 triệu đồng.

+ Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ: 4.838 triệu đồng.

+ Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ: 2.658 triệu đồng.

5. Tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

- Tổng doanh thu 43.918 triệu đồng, tăng 8,6% so với năm 2022 bao gồm: Doanh thu bán hàng 43.183 triệu đồng; doanh thu từ hoạt động tài chính 728 triệu đồng; thu nhập khác 7 triệu đồng.

- Tổng chi phí 43.526 triệu đồng, tăng 8,6% so với năm 2021, bao gồm: Giá vốn hàng bán 35.639 triệu đồng; chi phí bán hàng 126 triệu đồng; chi phí quản

lý doanh nghiệp 7.644 triệu đồng; chi phí khác 10 triệu đồng; chi phí thuế TNDN hiện hành 101 triệu đồng, chi phí tài chính 6 triệu đồng.

- Lợi nhuận trước thuế: 493 triệu đồng.

- Lợi nhuận sau thuế: 392 triệu đồng.

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (ROE): $392 \text{ triệu đồng} / 216.781 \text{ triệu đồng} = 0,18 \%$.

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản (ROA): $392 \text{ triệu đồng} / 234.595 \text{ triệu đồng} = 0,17 \%$.

- Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước: Số thuế năm trước chuyển sang 374,6 triệu đồng, số phát sinh phải nộp trong năm 4.049,6 triệu đồng, số đã nộp trong kỳ 3.997 triệu đồng, số còn lại phải nộp 427,2 triệu đồng.

- Thực hiện kế hoạch thoái vốn, thu hồi vốn nhà nước, thu lợi nhuận, cổ tức được chia từ doanh nghiệp (tỷ lệ cổ tức được chia, giá trị, số cổ tức thực nhận):

+ Công ty thực hiện giữ nguyên phần vốn nhà nước giai đoạn 2022-2025 theo Quyết định số 1479/QĐ-TTg ngày 29/11/2022 của Chính phủ về phê duyệt Kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước giai đoạn 2022-2025.

+ Cổ tức được chia của doanh nghiệp: 226 triệu đồng (trả cổ tức cho chủ sở hữu).

- Chế độ báo cáo tài chính đã thực hiện theo Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ và Quyết định số 04/2017/QĐ-UBND ngày 10/3/2017 của UBND tỉnh, tuy nhiên việc gửi báo cáo giám sát còn chậm. Công ty đã thực hiện việc gửi các báo cáo nhưng chưa đầy đủ theo quy định tại Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26/5/2021 của Bộ Tài chính (không nộp Báo cáo tình hình đầu tư ra nước ngoài năm 2023 trên hệ thống thông tin quản lý tài chính doanh nghiệp – Mis).

- Công ty chưa trích lập Quỹ khoa học và công nghệ theo quy định tại Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ và Thông tư số 67/2022/TT-BTC ngày 07/11/2022 hướng dẫn về nghĩa vụ thuế khi doanh nghiệp trích lập và sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp.

6. Những vướng mắc khó khăn của doanh nghiệp

- Một số chi phí phát sinh ngoài dự kiến, không được đền bù do việc tháo dỡ, di chuyển tuyến ống cấp nước theo yêu cầu của ngành đường bộ khi thi công dự án nâng cấp, cải tạo đường giao thông hoặc các công trình hạ tầng khác tại đô thị gây ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Việc quy định cấp nước sạch là dịch vụ công ích, đồng thời là hoạt động sản xuất kinh doanh chịu sự kiểm soát của Nhà nước đang gặp khó khăn trong quản lý phát triển cấp nước, quy định này chưa phù hợp với cơ chế thị trường.

- Giá nước chưa được áp dụng theo khung giá tính đúng tính đủ của thị trường trong khi giá cả vật tư, hàng hóa có sự điều chỉnh liên tục đã làm ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống của người lao động.

- Mạng lưới cấp nước tại các đô thị cơ bản đã phủ kín. Các nhóm ngành du lịch, dịch vụ, sản xuất vật chất trên địa bàn tỉnh còn chưa phát triển dẫn việc gia tăng khách hàng, sản lượng, doanh thu nước sạch gặp nhiều khó khăn.

- Thời tiết diễn biến phức tạp do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, một số thời điểm nắng hạn kéo dài đã làm công tác sản xuất và cung cấp nước gặp nhiều khó khăn về nguồn nước, chất lượng nước.

7. Đánh giá nhận xét

- Công ty đã cơ bản thực hiện tốt: Xây dựng chiến lược kinh doanh, kế hoạch kinh doanh được Đại hội cổ đông thông qua, thực hiện nộp thuế, nộp báo cáo tài chính, báo cáo giám sát và các loại báo cáo khác cơ bản đúng thời gian quy định.

- Công ty kinh doanh, bảo toàn được vốn nhà nước, kinh doanh có lãi nhưng không cao so với tổng nguồn vốn hiện có.

- Công ty thực hiện giữ nguyên phần vốn nhà nước giai đoạn 2022-2025 theo Quyết định số 1479/QĐ-TTg ngày 29/11/2022 của Chính phủ về phê duyệt Kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước giai đoạn 2022-2025.